

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 25/CT-UBND NGÀY 27/12/2023 CỦA UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
THÁNG 4/2025

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VPUBND ngày /5/2025 của Văn phòng UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị, địa phương	Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong tháng			Số hồ sơ đã giải quyết trong tháng										Số hồ sơ còn tồn chưa giải quyết			Lũy kế hồ sơ đã giải quyết từ đầu năm					
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó									Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
			Số hồ sơ chưa giải quyết của tháng trước chuyển qua	Tổng số hồ sơ tiếp nhận mới trong tháng		Giải quyết trước, đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Số văn bản xin lỗi					Công khai số văn bản xin lỗi lên hệ thống thông tin giải quyết TTHC (iGate)	Số văn bản xin lỗi đã niêm yết tại bộ phận một cửa		Trong hạn giải quyết	Số hồ sơ quá thời hạn		Giải quyết trước, đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Số văn bản xin lỗi	Công khai số văn bản xin lỗi lên hệ thống thông tin giải quyết TTHC (iGate)	Số văn bản xin lỗi đã niêm yết tại bộ phận một cửa
								Tổng số	Do giải quyết quá hạn	Do tiếp nhận thành phần hồ sơ không đủ	Do hồ sơ bị mất, thất lạc hoặc hư hỏng	Do sai sót trong kết quả giải quyết											
(1)	(2)	(3)=(4)+(5) (3)=(6)+(16)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)=(10)+ (11)+(12) + (13)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)=(17)+ (18)	(17)	(18)	(19)=(20)+ (21)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
1	UBND Thành phố Buôn Ma Thuột	3,742	34	3,708	3,711	3,711	0	0	0	0	0	0	0	0	31	31	0	11,510	11510	0	0	0	0
2	UBND Thị xã Buôn Hồ	1,066	8	1,058	1,036	1,036	0	0	0	0	0	0	0	0	30	30	0	3,475	3475	0	0	0	0
3	UBND huyện Krông Ana	1,339	9	1,330	1,331	1329	2	1	1	0	0	0	1	1	8	8	0	5,358	5351	7	0	0	0
4	UBND huyện Krông Năng	2,261	71	2,190	2,176	2172	4	4	4	0	0	0	4	4	85	85	0	11,039	11012	27	27	27	27
5	UBND huyện Krông Buk	794	2	792	786	783	3	3	3	0	0	0	3	3	8	7	1	3,433	3425	8	8	8	8
6	UBND huyện Cư Mgar	2,390	61	2,329	2,314	2307	7	7	2	0	3	2	5	5	76	73	3	9,186	9165	21	21	21	21
7	UBND huyện Cư Kuin	2,166	0	2,166	2,166	2148	18	18	0	0	0	18	5	5	0	0	0	9,624	9458	166	166	166	166
8	UBND huyện Ea Súp	3,832	128	3,704	3,799	3754	45	1	1	0	0	0	1	1	33	29	4	15,889	15633	256	32	32	32
9	UBND huyện Lắk	711	3	708	702	697	5	5	5	0	0	0	5	5	9	9	0	2,212	2167	45	45	45	45
10	UBND huyện Ea Hlêo	1,033	16	1,017	1,013	1005	8	6	3	1	0	2	2	2	21	18	3	3,451	3409	42	15	15	15
11	UBND huyện Ea Kar	1,694	207	1,487	1,646	1637	9	5	2	0	0	3	5	14	172	144	28	6,064	5985	79	28	23	23
12	UBND huyện M'Đrăk	1,538	0	1,538	1,538	1528	10	20	0	10	0	10	0	10	0	0	0	4,611	4517	94	0	0	0
13	UBND huyện Krông Pắc	3,391	1	3,390	3,365	3365	0	0	0	0	0	0	4	4	23	23	0	12,084	12084	0	0	0	0
14	UBND huyện Krông Bông	1,595	10	1585	1,582	1582	0	0	0	0	0	0	0	0	13	13	0	7,111	7105	6	6	6	6
15	UBND huyện Buôn Đôn	1,526	44	1,482	1,479	1458	21	6	6	0	0	0	6	6	47	13	34	5,388	5142	246	0	6	6
	Tổng cộng	29,078	594	28,484	28,644	1,458	132	76	27	11	3	35	41	60	556	483	73	110,435	109,438	997	348	349	349